

Bản án số: 05/2023/KDTM-ST  
Ngày 11-7-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trí Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Văn Phước

Bà Từ Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Hoàng Khang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Trần Văn Bé – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 04/2023/TLST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** A; địa chỉ trụ sở: thôn Phán Lịch, thị trấn L, khu phát triển công nghệ cao mới T, thành phố H, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Bùi Minh N, năm sinh 1980; địa chỉ: tầng 2, Tòa nhà Hà Phan, số 1119 đường T, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện, theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2022, có mặt.

2. Ông T, sinh năm 1970; địa chỉ: tầng 2, Tòa nhà Hà Phan, 1119 T, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2022, vắng mặt.

**- Bị đơn:** Công ty B. Địa chỉ trụ sở: T1-A, T2-B, T3-B, Đại lộ C, xã AT, thị xã B, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ah, chức danh Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Ông Ch - Chức danh: Giám đốc, là đại

diện theo ủy quyền theo Thư uỷ quyền ngày 27/3/2023, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Đại diện nguyên đơn trình bày:** A (Công ty A) là đơn vị cung cấp các sản phẩm về Loa cho Công ty B từ năm 2019. Do mua bán hàng hóa quốc tế nên hai bên thỏa thuận trao đổi việc mua bán qua thư điện tử (email), không trực tiếp ký kết hợp đồng mua bán. Hai bên không có thỏa thuận cụ thể về thời gian thanh toán và tiền lãi chậm thanh toán. Sau khi thống nhất số lượng, giá cả, hàng hóa, bên nguyên đơn gửi thư điện tử cho bị đơn gồm có: hóa đơn (invoice), danh sách đóng gói (packing list) và hóa đơn vận chuyển (bill) để bị đơn làm thủ tục nhập khẩu. Khi xuất hàng, nguyên đơn cũng đã gửi bộ hồ sơ hàng hóa nhập khẩu như trên kèm theo hàng hóa.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày số tiền mua hàng hóa bị đơn còn nợ lại gồm 06 hóa đơn với tổng số tiền 252.281,77 USD (Đôla Mỹ) nhưng qua kiểm tra đối chiếu với đại diện bị đơn tại Tòa án về số lượng, giá trị hàng hóa đã mua bán và số tiền đến thời điểm hiện nay bị đơn còn nợ lại 05 hóa đơn như sau:

1. Hóa đơn (Invoice) số 20210331001 ngày 31/3/2021, trị giá hàng hóa thực tế là 125.280,28 USD, bị đơn đã trả được 34.114,94 USD ngày 10/10/2022, còn nợ lại 91.165,34 USD.

2. Hóa đơn số 20210429001 ngày 29/4/2021, trị giá hàng hóa thực tế là 22.662,12 USD, bị đơn chưa thanh toán.

3. Hóa đơn số 20210511001 ngày 11/5/2021, trị giá hàng hóa thực tế là 14.996,64 USD, bị đơn chưa thanh toán.

4. Hóa đơn số 20210528001 ngày 28/5/2021, trị giá hàng hóa thực tế là 35.820 USD, bị đơn chưa thanh toán.

5. Hóa đơn số 20210615001 ngày 15/6/2021, trị giá hàng hóa thực tế là 32.799,18 USD, bị đơn chưa thanh toán.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc là 197.443,28 USD và thanh toán tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến nay theo mức lãi suất quá hạn 0,03%/ngày (0,9%/tháng) là 43.240 USD, quy ra tiền VNĐ (Việt Nam đồng) tại thời điểm thanh toán.

**\* Bị đơn Công ty B vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2023 và quá trình tố tụng:** Bị đơn thống nhất có giao dịch với nguyên đơn theo 06 hóa đơn số 20210322001 ngày 22/3/2021; số 20210331001 ngày 31/3/2021; số 20210429001 ngày 29/4/2021; số 20210511001 ngày 11/5/2021; số 20210528001 ngày 28/5/2021; số 20210615001 ngày 15/6/2021 với tổng số tiền là 251.082,62 USD, đã trả được 53.639,34 USD, còn nợ lại 197.443,28 USD. Do tình hình dịch Covid, kinh doanh của công ty gặp khó khăn và do chủ đầu tư của Công ty B có sự thay đổi nên bị đơn không có khả năng trả nợ ngay một lần cho nguyên đơn được. Bị đơn đề nghị trả nợ gốc 197.443,28 USD cho nguyên đơn, mỗi tháng trả 10.000 USD đến 20.000 USD cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

Tại phiên tòa:

*Ý kiến của đại diện nguyên đơn:* Qua kiểm tra đối chiếu nợ, nguyên đơn thống nhất với số nợ gốc 197.443,28 USD do đại diện bị đơn cung cấp. Bị đơn không có thiện chí trả nợ, nhiều lần không đến Tòa án theo triệu tập nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc 197.443,28 USD và tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến nay theo mức lãi suất quá hạn 0,03%/ngày (0,9%/tháng) là 43.240 USD, quy ra tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán.

*Đại diện bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý đơn kiện là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất số nợ gốc 197.443,28 USD, bị đơn đã nhận hàng hóa nhưng không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 1 Điều 55 Luật Thương mại nên phải chịu thêm tiền lãi theo quy định. Mức lãi suất và thời gian nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp Điều 306 Luật Thương mại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo Biên bản xác minh ngày 07/7/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cung cấp Công ty B có người đại diện theo pháp luật là ông Ah chức danh Tổng giám đốc, công ty đang hoạt động và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận được hồ sơ yêu cầu tạm ngưng hoạt động, giải thể hay sáp nhập Công ty B. Ông Ah có Thư ủy quyền ngày 27/3/2023 cho ông Ch tham gia tố tụng đối với các tranh chấp xảy ra trong hoạt động kinh doanh của công ty. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng triệu tập bị đơn tham gia các phiên tòa ngày 02/6/2023, ngày 19/6/2023 và ngày 11/7/2023 nhưng đại diện bị đơn có đơn xin hoãn phiên tòa, không đến Tòa theo triệu tập là vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 15 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Các đương sự thống nhất việc mua bán các sản phẩm về Loa theo 06 hóa đơn số 20210322001 ngày 22/3/2021; số 20210331001 ngày 31/3/2021; số 20210429001 ngày 29/4/2021; số 20210511001 ngày 11/5/2021; số 20210528001 ngày 28/5/2021; số 20210615001 ngày 15/6/2021 với tổng số tiền là 251.082,62

USD, đã trả được 53.639,34 USD, còn nợ lại 197.443,28 USD. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Điều 55 Luật Thương mại quy định về thời hạn thanh toán thì bên mua có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hóa. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng 197.443,28 USD là có căn cứ chấp nhận. Bị đơn cho rằng kinh tế của công ty có khó khăn, xin trả dần số nợ nhưng không thỏa thuận được với nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/7/2021 đến nay theo mức lãi suất quá hạn 0,03%/ngày (0,9%/tháng) là 43.240 USD.

Các đương sự không thỏa thuận mức lãi chậm thanh toán khi mua bán hàng hóa nên lãi suất chậm thanh toán sẽ được tính theo quy định pháp luật. Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Vì vậy, việc bị đơn chậm thanh toán tiền hàng nhưng không thỏa thuận được với nguyên đơn về việc không tính lãi suất nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lãi từ ngày 01/7/2021 đến nay là có căn cứ chấp nhận.

Theo kết quả xác minh 03 ngân hàng đối với thời gian vay USD trên 12 tháng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Bình Dương) là 6,5%, quá hạn (bằng 150% lãi trong hạn) là 9,75%; Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Chi nhánh Bình Dương) là 9,8%, quá hạn là 14,7%; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Bình Dương) là 6,2%, quá hạn là 9,3%, nên mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là 11,25%/năm. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu thanh toán tiền chậm trả 43.240 USD với mức lãi suất quá hạn 0,03%/ngày (0,9%/tháng) là thấp hơn quy định pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định (tính theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố ngày 11/7/2023 là 23.787 Đồng/USD).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 37, 38, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 24, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty B.

Buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho A số tiền mua hàng hóa 197.443,28 USD và tiền lãi là 43.240 USD, tổng cộng là 240.683,28 USD (hai trăm bốn mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba phẩy hai mươi tám đô la Mỹ), được quy đổi thành 5.725.133.181 (năm tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu một trăm ba mươi ba nghìn một trăm tám mươi một) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2. Án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty B phải chịu 113.725.133 (một trăm mười ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn một trăm ba mươi ba) đồng.

- Nguyên đơn A không phải chịu án phí, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương hoàn trả cho A tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.294.239 (năm mươi bảy triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm ba mươi chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000380 ngày 10/02/2023.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa KT, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Trí Dũng**